TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 168/2022/DS-PT
Ngày 07/7/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và xác lập quyền sử dụng đất do được thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng
Các thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 6 và 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLPT- DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và xác lập quyền sử dụng đất do được thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Quang Thị R, sinh năm 1950, trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Anh Tuấn – Văn phòng Luật sư Lê Anh Tuấn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau và Luật sư Dư Đình Việt là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1970, trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Biện Thị T1, sinh năm 1970
2/ Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1968
3/ Anh Phạm Minh T2, sinh năm 1987
4/ Anh Phạm Minh C1, sinh năm 1991
5/ Anh Phạm Minh T3, sinh năm 1976
Cùng trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

6/ Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1966, trú tại: Số 176, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh B ..

7/ Bà Nguyễn Thị Thúy C2, sinh năm 1983, trú tại: Số 188/70, đường B, phường A, quận N, thành phố C ..

8/ Bà Nguyễn Thị Đẹp, sinh năm 1988, trú tại: Số 175/66, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh B ..

9/ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện Trần Văn Thời. Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn D1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Quang Thị R trình bày: Ông Nguyễn Văn Ngọc có lập đơn cho đất ngày 12/12/2005, đơn tự nguyện cho đất ngày 02/7/2006, tặng cho cụ Võ Thị Là (mẹ ruột của bà) diện tích 300,0m^2 (chiều ngang 10 mét, chiều dài 30 mét), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, để Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc cấp 01 căn nhà tình nghĩa cho cụ Là (do cụ Là thuộc đối tượng người có công cách mạng). Sau đó, cụ Là và bà cùng ở tại căn nhà này, cho đến năm 2011 cụ Là mất, bà trực tiếp thờ cúng và quản lý nhà đất của cụ Là. Khi đo đạc để đăng ký quyền sử dụng, ông Nguyễn Văn D1 (con ông Ngọc) ngăn cản, dẫn đến tranh chấp. Nay bà khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho tại đơn cho đất ngày 12/12/2005 và một phần tại đơn tự nguyện cho đất ngày 02/7/2006 do ông Ngọc lập; Công nhận quyền sở hữu được hưởng thừa kế phần đất 300,0m^2 (của cụ Là), để bà được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D1 trình bày: Ông Nguyễn Văn Ngọc được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B081841 ngày 26/02/1996 diện tích 21.780m^2, đất tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời. Nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ngọc thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện Trần Văn Thời. Khi ông Ngọc mất (năm 2018) đến nay phần đất 21.780m^2 chưa phân chia thừa kế, ông quản lý phần đất này. Khi ông Ngọc còn sống, ông Ngọc có cho cụ Võ Thị Là phần đất 300,0m^2, để Nhà nước cấp nhà tình nghĩa cho cụ Là để ở, không có cho tách quyền sử dụng. Nhưng sau đó căn nhà của cụ Là bị hư hỏng và không còn, đến năm 2018 ông Ngọc được Nhà nước cấp nhà tình nghĩa cất trên phần đất 300,0m^2 (vị trí căn nhà tình nghĩa trước đây của cụ Là) và ông Ngọc cùng bà R sinh sống tại căn nhà này cho đến khi ông Ngọc mất. Nay ông D1 chỉ đồng ý cho bà R ở, không đồng ý cho bà R tách quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đẹp thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn D1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam Chi nhánh huyện Trần Văn Thời trình bày: Ông Nguyễn Văn Ngọc có

vay vốn tại Ngân hàng, tính đến ngày 26/4/2021 ông Ngọc còn nợ vốn 220.000.000 đồng, lãi 88.728.542 đồng, tổng cộng 308.728.542 đồng. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất diện tích 21.780m^2 (ông Ngọc được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B081841 ngày 26/02/1996), đất tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nay Ngân hàng không có khởi kiện ở vụ án này, từ chối tham gia tố tụng. Trường hợp, có tranh chấp khởi kiện ở vụ án khác.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn D2, Nguyễn Thị Đẹp, Phạm Minh T2, Biện Thị T1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị Thúy C2 quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm vắng mặt.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 14/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quang Thị R.

Công nhận hợp đồng tặng cho tại "đơn cho đất" ngày 12/12/2005 và một phần tại "đơn tự nguyện cho đất" ngày 02/7/2006 về việc tặng cho cụ Võ Thị Là diện tích 300,0m^2, thuộc thửa 08, tờ bản đồ địa chính số 23 (bđ 2005), (thuộc thửa 0667, tờ bản đồ địa chính số 03 (bđ 299)), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Văn Ngọc lập có hiệu lực.

Công nhận diện tích 300,0m^2, thuộc thửa 08, tờ bản đồ địa chính số 23 (bđ 2005), (thuộc thửa 0667, tờ bản đồ địa chính số 03 (bđ 299)), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là di sản của cụ Là; Công nhận quyền sở hữu do được hưởng thừa kế cho bà Quang Thị R diện tích 300,0m^2, thuộc thửa 08, tờ bản đồ địa chính số 23 (bđ 2005), (thuộc thửa 0667, tờ bản đồ địa chính số 03 (bđ 299)), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, có tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Văn Ngọc (Nguyễn Văn D1 quản lý); Hướng Tây giáp đường lộ nhựa; Hướng Nam giáp đất Nguyễn Hoàng Liêm; Hướng Đông giáp đất Nguyễn Văn Ngọc (Nguyễn Văn D1 quản lý). Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 08/6/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau.

Bà Quang Thị R được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/3/2022, bị đơn là ông Nguyễn Văn D1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng tặng cho đất của ông Nguyễn Văn Ngọc tặng cho cụ Võ Thị Là ngày 12/12/2005 và đơn tự nguyện cho đất ngày 02/7/2006.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được

pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung yêu cầu theo đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích 300,0m^2, thuộc thửa 08, tờ bản đồ địa chính số 23 (bđ 2005), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời nay là phần đất thuộc thửa 0667, tờ bản đồ địa chính số 03 (bđ 299) thuộc một phần trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B081841 được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp đứng tên Nguyễn Văn Ngọc ngày 26/02/1996.

[2] Theo trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình giải quyết đã xác định được ông Nguyễn Văn Ngọc (cha ruột ông D1) có lập "đơn cho đất" ngày 12/12/2005, tặng cho cụ Võ Thị Là (mẹ ruột của bà R) diện tích 300,0m^2 (chiều ngang 10 mét, chiều dài 30 mét), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời. Đơn cho đất có chữ ký của ông Ngọc và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc. Do cụ Là thuộc đối tượng người có công với cách mạng được Nhà nước cấp nhà tình nghĩa nên Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc yêu cầu ông Ngọc xác định vị trí đất tặng cho để cấp cho cụ Là 01 căn nhà tình nghĩa. Ngày 02/7/2006 ông Ngọc lập "đơn tự nguyện cho đất" lần 02, đơn cho đất lần 2 có chữ ký ông Ngọc và những người chứng kiến là ông Nguyễn Văn Thắng, Sử Thị Hòa, Nguyễn Văn Chót, Lâm Văn Trung, Lâm Thị Thính cùng xác nhận của UBND xã. Cùng thời gian này ông Ngọc lập tiếp Văn bản sơ đồ đo vẽ vị trí phần đất 300,0m^2 ngày 10/7/2006 (bút lục số 3,4). Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc cấp cho cụ Là 01 căn nhà tình nghĩa được cất tại diện tích 300,0m^2 mà ông Ngọc đã tặng cho cụ Là. Khi cụ Là được ông Ngọc tặng cho đất và sau đó được cất nhà tình nghĩa thì cụ cùng với bà R ở, đến năm 2011 cụ Là mất, bà R ở và quản lý nhà đất nêu trên của cụ Là để lại đến nay.

[3] Qua làm việc với ông Nguyễn Văn Triều là Phó chủ tịch xã Khánh Bình Tây Bắc thời điểm năm 2005 xác định có ký xác nhận vào đơn cho đất ngày 12/12/2005 của ông Nguyễn Văn Ngọc. Mặt khác, các con ông Ngọc là bà D3 cũng như ông D1 đều thừa nhận có sự việc ông Ngọc cho đất cụ Là diện tích 300m^2. Như vậy, về ý chí của ông Ngọc lập "đơn cho đất" ngày 12/12/2005, "đơn tự nguyện cho đất" ngày 02/7/2006, ông Ngọc tặng cho cụ Là phần đất 300,0m^2 là thực tế có xảy ra và con của ông Ngọc là ông D1 cũng thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Mặc dù cho đến này cụ Là chưa đăng ký quyền sử dụng đất theo

quy định nhưng việc tặng cho đất là hoàn toàn tự nguyện và có xác nhận của chính quyền địa phương, cụ Là cũng đã được Nhà nước cấp và xây dựng nhà tình nghĩa trên phần đất được tặng cho, cụ cùng bà R sinh sống ổn định từ năm 2005 đến nay không phát sinh tranh chấp. Từ khi tặng cho đất đến lúc ông Ngọc mất (năm 2018) thì ông cũng không có văn bản nào thay đổi ý chí của mình về việc tặng cho phần đất này. Theo khoản 2, Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 52/2021/AL ngày 25/11/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R là có căn cứ.

[4] Hiện nay cụ Là đã chết nên diện tích đất 300,0m^2 trên là di sản của cụ Là, bà R con ruột và cũng là người thừa kế duy nhất của cụ Là, hơn nữa bà R cũng chính là người thờ cúng cho cụ Là trong chính căn nhà được Nhà nước xây cất tại phần đất này từ năm 2006. Do vậy, sau khi cụ Là mất, bà R có đủ điều kiện được hưởng thừa kế di sản là phần đất 300,0m^2 nêu trên của cụ Là để lại và được toàn quyền sử dụng cũng như được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông D1 cho rằng do trước đây ông Ngọc cho đất từ lộ bê tông cũ ra sau hậu đất 30m, sau khi nhà nước làm lộ nhựa vào năm 2011 thì có thu hồi một phần trong diện tích đất ông Ngọc cho cụ Là nên thực tế diện tích đất của cụ Là không còn đủ 30m tính từ lộ vào hậu đất. Thấy rằng: Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa ngày 07/6/2022 để thu thập thêm tài liệu chứng cứ làm rõ vấn đề này, sau khi ngừng phiên tòa ông D1 có cung cấp thêm các tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất, cụ thể: phiếu chi ngày 29/9/2014, thông báo nhận tiền ngày 19/8/2009, cam kết nhận tiền ngày 29/9/2014, phiếu chi ngày 04/12/2010, giấy đề nghị ngày 04/12/2010, phiếu chi ngày 29/9/2014, thông báo nhận tiền lần thứ hai, cam kết nhận tiền, đơn xin cấp lại thông báo nhận tiền, giấy ghi số tiền hộ ông Nguyễn Văn Ngọc được bồi thường. Tại các tài liệu nêu trên thể hiện người được nhận tiền là ông Nguyễn Văn Ngọc và người ký nhận tiền cũng là ông Nguyễn Văn Ngọc. Các tài liệu nêu trên chỉ ghi nhận tổng diện tích bị thu hồi tổng cộng là 275,2m^2 nhưng không thể hiện rõ vị trí và ngang dài là bao nhiêu, trong đó diện tích bị thu hồi này có bao nhiêu mét vuông là thuộc phần đất ông Ngọc tặng cho cụ Là cũng không thể hiện. Mặt khác, phần đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, thực tế phần đất hiện tại còn lại là 21.504,8m^2 trong đó vẫn còn 300m^2 đất ở và 21.204,8m^2 đất nông nghiệp.

[6] Thực tế hiện trạng sử dụng đất ông Ngọc cho cụ Là từ khi làm lộ nhựa (sau khi thu hồi đất năm 2011) đến nay thì chiều dài 30m đất của ông Ngọc cho cụ Là tính từ lộ nhựa vào là 30m. Ngày 09/10/2011, cụ Là chết thì bà R và ông Ngọc ở trong căn nhà tình nghĩa của cụ Là đồng thời quản lý sử dụng 300m^2 đất mà ông Ngọc đã tặng cho cụ Là trong đó chiều dài 30m đất của cụ Là từ mí lộ nhựa vào đến giáp đất của ông Nguyễn Văn D1. Từ khi nhà nước thu hồi đất và làm lộ nhựa thì phần đất của cụ Là có giáp sau hậu đất ông D1 không xảy ra tranh chấp, sau khi ông Ngọc chết (16/10/2018) giữa bà R và ông D1 cũng không tranh chấp ranh hậu

đất. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông D1 hoàn toàn không đặt ra yêu cầu xem xét lại diện tích đất cụ Là được ông Ngọc tặng cho có một phần đất đã bị thu hồi phải trừ ra hay yêu cầu xem xét lại ranh đất sau hậu giữa ông D1 và bà R.

[7] Như vậy, thực tế theo hồ sơ tài liệu thể hiện đất bị thu hồi là của ông Ngọc và chính ông Ngọc cũng là người ký nhận tiền bồi hoàn đất. Không có căn cứ xác định diện tích đất ông Ngọc tặng cho cụ Là có phần diện tích đất đã bị thu hồi là bao nhiêu. Mặt khác, ranh hậu đất giữa hai bên ông D1 và bà R từ trước đến nay không có tranh chấp, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại đơn kháng cáo ông D1 hoàn toàn không đặt ra hay kháng cáo yêu cầu xem xét lại ranh đất, cũng không yêu cầu đối với diện tích đất cụ Là được tặng cho mà chỉ yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho. Do vậy, án sơ thẩm xác định diện tích thực tế 300m^2 theo đo vẽ hiện trạng là diện tích đất ông Ngọc tặng cho cụ Là, đồng thời công nhận diện tích này của cụ Là là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo là ông D1 cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới nào khác ngoài các tài liệu chứng cứ đã xem xét ở cấp sơ thẩm nên không có cơ sở xem xét để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[9] Từ những nhận định như đã nêu trên nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quang Thị R là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 14/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quang Thị R.

2/ Công nhận hợp đồng tặng cho tại "đơn cho đất" ngày 12/12/2005 và một phần tại "đơn tự nguyện cho đất" ngày 02/7/2006 về việc tặng cho cụ Võ Thị Là diện tích 300,0m^2, thuộc thửa 08, tờ bản đồ địa chính số 23 (bđ 2005), (thuộc thửa

0667, tờ bản đồ địa chính số 03 (bđ 299)), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Văn Ngọc lập có hiệu lực.

3/ Công nhận diện tích 300,0m^2, thuộc thửa 08, tờ bản đồ địa chính số 23 (bđ 2005), (thuộc thửa 0667, tờ bản đồ địa chính số 03 (bđ 299)), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là di sản của cụ Là; Công nhận quyền sử dụng do được hưởng thừa kế cho bà Quang Thị R diện tích 300,0m^2, thuộc thửa 08, tờ bản đồ địa chính số 23 (bđ 2005), (thuộc thửa 0667, tờ bản đồ địa chính số 03 (bđ 299)), tại ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, có tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đất Nguyễn Văn Ngọc (Nguyễn Văn D1 quản lý); Hướng Tây giáp đường lộ nhựa; Hướng Nam giáp đất Nguyễn Hoàng Liêm; Hướng Đông giáp đất Nguyễn Văn Ngọc (Nguyễn Văn D1 quản lý). Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 08/6/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau.

4/ Bà Quang Thị R được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

5/ Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Quang Thị R về việc tự nguyện chịu chi phí tố tụng số tiền 7.262.000 đồng (bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng – bà R đã dự nộp xong).

6/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn D1 phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng - Chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D1 phải nộp là 300.000 đồng, ông đã dự nộp tại biên lai thu số 004472 ngày 11/3/2022 được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng